

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	1	27.00	3.5	30.50
2	Lý Thị	Nhung	TND018885	1	26.75	3.5	30.25
3	Quảng Thị	Thanh	TTB005699	2	26.25	3.5	29.75
4	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	1	26.25	3.5	29.75
5	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	1	26.25	3.5	29.75
6	Triệu Linh	Đan	TND004771	2	26.00	3.5	29.50
7	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	1	26.00	3.5	29.50
8	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	1	26.00	3.5	29.50
9	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	1	26.00	3.5	29.50
10	Phạm Thị	Nga	HDT017497	1	25.75	3.5	29.25
11	Lường Văn	Đông	TTB001526	1	25.75	3.5	29.25
12	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	1	25.75	3.5	29.25
13	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	3	25.50	3.5	29.00
14	Bàn Thị	Vân	TND029017	2	25.50	3.5	29.00
15	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	1	25.50	3.5	29.00
16	Bùi Thị	Nường	HDT019148	1	25.50	3.5	29.00
17	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	1	25.50	3.5	29.00
18	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	1	25.50	3.5	29.00
19	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	1	25.50	3.5	29.00
20	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	1	26.50	2.5	29.00
21	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	1	25.50	3.5	29.00
22	Hà Thị	Chang	TND002060	1	25.50	3.5	29.00
23	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	2	25.25	3.5	28.75
24	Quan Thị Thu	Quỳnh	TQU004637	1	25.25	3.5	28.75
25	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	1	25.25	3.5	28.75
26	Quan Thị	Nga	DCN007886	1	25.25	3.5	28.75
27	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	1	25.25	3.5	28.75
28	Trần Thị	Hằng	TDV009422	1	27.25	1.5	28.75
29	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	1	25.25	3.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	1	27.25	1.5	28.75
31	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	1	25.25	3.5	28.75
32	Bùi Thị	Giang	DCN002642	2	25.00	3.5	28.50
33	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	1	25.00	3.5	28.50
34	Tòng Thị	Linh	THV007742	1	25.00	3.5	28.50
35	Hoàng Thị	Nguyễn	TND018296	1	25.00	3.5	28.50
36	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	1	25.00	3.5	28.50
37	Dương Thị	Thư	TTB006434	1	27.00	1.5	28.50
38	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	1	27.50	1.0	28.50
39	Lò Thị	Diện	TTB001037	1	25.00	3.5	28.50
40	Võ Thị	Huyền	TDV013985	1	27.00	1.5	28.50
41	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	1	25.00	3.5	28.50
42	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	1	27.00	1.5	28.50
43	Đặng Hồng	Minh	THV008679	1	25.00	3.5	28.50
44	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	1	25.00	3.5	28.50
45	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	1	28.00	0.5	28.50
46	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	1	27.00	1.5	28.50
47	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	2	24.75	3.5	28.25
48	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	2	26.25	2.0	28.25
49	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	2	24.75	3.5	28.25
50	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	2	24.75	3.5	28.25
51	Lê Thị	Lam	THP007705	1	27.25	1.0	28.25
52	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	1	26.75	1.5	28.25
53	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	1	24.75	3.5	28.25
54	Nông Thị	Phượng	KQH010977	1	24.75	3.5	28.25
55	Lưu Thị	Mai	SPH010983	1	27.25	1.0	28.25
56	Hoàng Thị	Ly	TND015654	1	24.75	3.5	28.25
57	Lê Thị	Thế	TND023694	1	24.75	3.5	28.25
58	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	1	24.75	3.5	28.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Phan Đức	Quý	TND020712	1	24.75	3.5	28.25
60	Nông Thu	Trang	DCN011942	1	24.75	3.5	28.25
61	Và A	Tủa	TTB007056	2	24.50	3.5	28.00
62	Vừ A	Dĩa	TTB001020	2	24.50	3.5	28.00
63	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	2	24.50	3.5	28.00
64	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	1	24.50	3.5	28.00
65	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	1	26.50	1.5	28.00
66	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	1	24.50	3.5	28.00
67	Bùi Thị	Phương	LNH007269	1	24.50	3.5	28.00
68	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	1	26.50	1.5	28.00
69	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	1	24.50	3.5	28.00
70	Đỗ Thị	Hoài	NLS004234	1	26.50	1.5	28.00
71	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	1	26.50	1.5	28.00
72	Trần Thị	Lan	TDV015694	1	26.00	2.0	28.00
73	La Thị	Lệ	DCN006045	1	24.50	3.5	28.00
74	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	1	24.50	3.5	28.00
75	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	1	26.50	1.5	28.00
76	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	1	26.50	1.5	28.00
77	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	1	26.50	1.5	28.00
78	Vi Thị Hà	Nam	TDV020247	1	24.50	3.5	28.00
79	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	1	27.50	0.5	28.00
80	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	1	26.50	1.5	28.00
81	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	1	24.50	3.5	28.00
82	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	1	26.50	1.5	28.00
83	Đàm Thị	Nhung	TND018794	1	24.50	3.5	28.00
84	Lương Thị	Bền	TDV002344	1	24.50	3.5	28.00
85	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	1	24.50	3.5	28.00
86	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	1	26.50	1.5	28.00
87	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	1	26.00	2.0	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	2	26.25	1.5	27.75
89	Triệu Hồng	Nhung	THV009964	1	24.25	3.5	27.75
90	Vương Hồng	Huyền	THP006755	1	26.75	1.0	27.75
91	Lự Thị	Thúy	THV013127	1	24.25	3.5	27.75
92	Đàm Văn	Thực	TND025270	1	24.25	3.5	27.75
93	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	1	27.25	0.5	27.75
94	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	1	24.25	3.5	27.75
95	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	1	26.25	1.5	27.75
96	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	1	24.25	3.5	27.75
97	Dương Văn	Tuấn	HDT028092	1	24.25	3.5	27.75
98	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	1	26.25	1.5	27.75
99	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	1	26.75	1.0	27.75
100	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	1	26.25	1.5	27.75
101	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	1	26.25	1.5	27.75
102	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	1	26.25	1.5	27.75
103	Lý Thị	Hồng	TQU002137	1	24.25	3.5	27.75
104	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	1	24.25	3.5	27.75
105	Triệu Thị	Lấy	TND013609	1	24.25	3.5	27.75
106	Lý Thị	An	TND000038	1	24.25	3.5	27.75
107	Bàn Thị Mỹ	Hạnh	TQU001523	1	24.25	3.5	27.75
108	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	1	24.25	3.5	27.75
109	Phạm Văn	Đông	HDT005678	1	26.25	1.5	27.75
110	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	1	24.25	3.5	27.75
111	Lò Văn	Duyên	HDT004727	1	24.25	3.5	27.75
112	Đào Thị	Thúy	SPH016697	1	26.25	1.5	27.75
113	Hà Thị	Hương	HHA006747	2	24.00	3.5	27.50
114	Nông Thị	Loan	TND015028	2	24.00	3.5	27.50
115	Hà Thị	Luyến	TQU003406	2	24.00	3.5	27.50
116	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	2	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Nông Thị	Đào	TND004806	2	24.00	3.5	27.50
118	Vy Mỹ	Linh	TND014890	2	24.00	3.5	27.50
119	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	2	24.00	3.5	27.50
120	Trần Thị	Thủy	YTB021441	2	26.50	1.0	27.50
121	Bế Thị	Hường	TND012099	2	24.00	3.5	27.50
122	Chu Thị	Duyên	TND004274	2	24.00	3.5	27.50
123	Hà Thị	Hảo	TND007154	1	24.00	3.5	27.50
124	Lương Thị Hồng	Gấm	THV003168	1	24.00	3.5	27.50
125	Phạm Thu	Phương	HDT020052	1	24.00	3.5	27.50
126	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	1	26.50	1.0	27.50
127	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	1	26.00	1.5	27.50
128	Lý Thái	Bảo	TND001546	1	24.00	3.5	27.50
129	Nguyễn Thị Thu	Phương	SPH013790	1	26.00	1.5	27.50
130	Lường Thị	Hằng	TTB002030	1	24.00	3.5	27.50
131	Lê Phương	Anh	HDT000573	1	26.00	1.5	27.50
132	Trần Thị Thanh	Lam	LNH004935	1	27.00	0.5	27.50
133	Lê Thị	Duyên	THP002581	1	27.00	0.5	27.50
134	Hà Thu	Hằng	TTB002005	1	24.00	3.5	27.50
135	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	1	26.00	1.5	27.50
136	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	1	27.00	0.5	27.50
137	Mã Thanh	Lâm	TND013503	1	24.00	3.5	27.50
138	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	1	24.00	3.5	27.50
139	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	1	24.00	3.5	27.50
140	Hoàng Thị	Phương	TDV023811	1	26.50	1.0	27.50
141	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	1	27.00	0.5	27.50
142	Nguyễn Thị	Phương	YTB017324	1	26.50	1.0	27.50
143	Vì Thị	Vân	TND029204	1	24.00	3.5	27.50
144	Lê Quốc	Hào	TDV008777	1	26.00	1.5	27.50
145	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	1	26.00	1.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	1	26.00	1.5	27.50
147	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	1	26.00	1.5	27.50
148	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	1	26.00	1.5	27.50
149	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	1	24.00	3.5	27.50
150	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	1	27.00	0.5	27.50
151	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	1	24.00	3.5	27.50
152	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	2	26.75	0.5	27.25
153	Nông Thị	Xâm	TND029728	2	23.75	3.5	27.25
154	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	2	23.75	3.5	27.25
155	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	2	25.75	1.5	27.25
156	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	2	25.75	1.5	27.25
157	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	2	24.75	2.5	27.25
158	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	2	23.75	3.5	27.25
159	Hoàng Thu	Thảo	TQU005057	2	23.75	3.5	27.25
160	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	2	25.75	1.5	27.25
161	Hồ Văn	Trai	DHU024012	2	23.75	3.5	27.25
162	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	2	26.25	1.0	27.25
163	Ma Thị Thanh	Tâm	TND022075	1	23.75	3.5	27.25
164	La Thị	Dung	THV002048	1	23.75	3.5	27.25
165	Mã Thị	Thanh	SPH015271	1	23.75	3.5	27.25
166	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	1	26.75	0.5	27.25
167	Phạm Thu	Hảo	THP004409	1	26.75	0.5	27.25
168	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	1	26.75	0.5	27.25
169	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	1	26.75	0.5	27.25
170	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	1	23.75	3.5	27.25
171	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	1	23.75	3.5	27.25
172	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	1	23.75	3.5	27.25
173	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	1	25.75	1.5	27.25
174	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	1	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Lù Thị	Tâm	DCN009835	1	23.75	3.5	27.25
176	Kim Thảo	Linh	TQU003121	1	23.75	3.5	27.25
177	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	1	26.25	1.0	27.25
178	Lê Thị	Hương	HDT012158	1	26.25	1.0	27.25
179	Nông Văn	Quân	TQU004497	1	23.75	3.5	27.25
180	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	1	25.75	1.5	27.25
181	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	1	25.75	1.5	27.25
182	Hà Thị	Hằng	KQH004209	1	23.75	3.5	27.25
183	Nông Thị	Son	TND021467	1	23.75	3.5	27.25
184	Trần Phương	Anh	TTB000267	1	25.75	1.5	27.25
185	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	1	25.75	1.5	27.25
186	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	1	25.75	1.5	27.25
187	Lã Thị	Linh	YTB012556	1	25.75	1.5	27.25
188	Đặng Thị	Nga	TDV020349	1	25.75	1.5	27.25
189	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	1	23.75	3.5	27.25
190	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	1	25.75	1.5	27.25
191	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	1	26.25	1.0	27.25
192	Nguyễn Thị	Thắm	YTB020094	2	26.50	0.5	27.00
193	Lường Thị	Hải	TTB001865	2	23.50	3.5	27.00
194	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	2	26.50	0.5	27.00
195	Giàng A	Lào	TTB003340	2	23.50	3.5	27.00
196	Chầu Thị	Ninh	TQU004156	2	23.50	3.5	27.00
197	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	2	23.50	3.5	27.00
198	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	2	25.50	1.5	27.00
199	Trần Diệu	Linh	TTB003588	2	25.50	1.5	27.00
200	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	2	25.50	1.5	27.00
201	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	2	23.50	3.5	27.00
202	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	2	23.50	3.5	27.00
203	Trần Thu	Ngân	THV009292	2	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Lò Thị	Thanh	TTB005671	2	23.50	3.5	27.00
205	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	2	26.50	0.5	27.00
206	Hoàng Thu	Hương	TND011776	2	23.50	3.5	27.00
207	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	2	23.50	3.5	27.00
208	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	2	25.50	1.5	27.00
209	Trần Thị	Oanh	TDV023128	2	25.50	1.5	27.00
210	Ngô Thanh	Huyền	TQU002449	1	23.50	3.5	27.00
211	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	1	25.50	1.5	27.00
212	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	1	25.50	1.5	27.00
213	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	1	23.50	3.5	27.00
214	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	1	26.00	1.0	27.00
215	Cà Thị	út	TTB007347	1	23.50	3.5	27.00
216	Lò Đức	Giang	TTB001642	1	23.50	3.5	27.00
217	Triệu Văn	Tuyền	TND028499	1	23.50	3.5	27.00
218	Đỗ Thị	Thoa	HDT024146	1	25.50	1.5	27.00
219	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	1	26.00	1.0	27.00
220	Lương Văn	Qui	THV010880	1	23.50	3.5	27.00
221	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	1	25.50	1.5	27.00
222	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	1	23.50	3.5	27.00
223	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	1	23.50	3.5	27.00
224	Triệu Thị	Mây	TND016355	1	23.50	3.5	27.00
225	Hoàng Thị	Sa	THV011215	1	25.50	1.5	27.00
226	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	1	26.00	1.0	27.00
227	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	1	25.50	1.5	27.00
228	Nông Phương	Thảo	TND023241	1	23.50	3.5	27.00
229	Phạm Thị	Nga	THP010025	1	26.00	1.0	27.00
230	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	1	25.50	1.5	27.00
231	Đặng Hiền	Thương	TND025302	1	25.50	1.5	27.00
232	Phạm Mai	Trang	TND026654	1	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	1	25.50	1.5	27.00
234	Giàng Thị	Sua	TTB005455	1	23.50	3.5	27.00
235	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	1	25.50	1.5	27.00
236	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	1	24.50	2.5	27.00
237	Ma Thị	ánh	TQU000275	1	23.50	3.5	27.00
238	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	1	26.50	0.5	27.00
239	Trịnh Thị	Châm	TND002122	1	23.50	3.5	27.00
240	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	1	26.00	1.0	27.00
241	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	1	26.50	0.5	27.00
242	Lương Thị	Vân	TND029086	1	23.50	3.5	27.00
243	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	1	23.50	3.5	27.00
244	Vũ Thị	Thành	BKA011812	1	26.00	1.0	27.00
245	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	1	25.50	1.5	27.00
246	Đặng Thủy	Vân	THV015105	1	23.50	3.5	27.00
247	Chấu Thị	Đẹp	KQH002942	1	23.50	3.5	27.00
248	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	1	26.00	1.0	27.00
249	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	1	23.50	3.5	27.00
250	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	1	26.50	0.5	27.00
251	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	1	26.50	0.5	27.00
252	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	1	23.50	3.5	27.00
253	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	2	24.25	2.5	26.75
254	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	2	25.75	1.0	26.75
255	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	2	26.25	0.5	26.75
256	Lương Thị Hồng	Nhung	TLA010512	2	25.75	1.0	26.75
257	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	2	25.25	1.5	26.75
258	Đào Thị	Hương	HDT011993	2	25.75	1.0	26.75
259	Lăng Thị	Hoài	TND009110	2	23.25	3.5	26.75
260	Lạc Thị	Mai	HHA008887	2	23.25	3.5	26.75
261	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	2	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Phùng Thị	Quyên	TND020831	2	23.25	3.5	26.75
263	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	2	25.25	1.5	26.75
264	Hồ Thị	ánh	TDV001687	2	25.25	1.5	26.75
265	Đậu Thị	Sương	TDV026500	2	25.75	1.0	26.75
266	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	2	23.25	3.5	26.75
267	Lê Thị	Phượng	HDT020198	1	25.75	1.0	26.75
268	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	1	25.25	1.5	26.75
269	Lèng Thị	Như	TQU004142	1	23.25	3.5	26.75
270	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	1	23.25	3.5	26.75
271	Phan Thị Thanh	Hải	TDV008370	1	25.25	1.5	26.75
272	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	1	25.25	1.5	26.75
273	Chu Thị	Thảo	TTB005838	1	23.25	3.5	26.75
274	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	1	25.25	1.5	26.75
275	Tống Thị	Mai	HDT016152	1	25.25	1.5	26.75
276	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	1	25.25	1.5	26.75
277	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	1	26.25	0.5	26.75
278	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	1	25.75	1.0	26.75
279	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	1	23.25	3.5	26.75
280	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	1	23.25	3.5	26.75
281	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	1	23.25	3.5	26.75
282	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	1	26.25	0.5	26.75
283	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	1	23.25	3.5	26.75
284	Lê Thị	Nhung	HDT018777	1	26.25	0.5	26.75
285	Phạm Việt	Trình	THP015567	1	26.25	0.5	26.75
286	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	1	25.25	1.5	26.75
287	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	1	25.25	1.5	26.75
288	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	1	23.25	3.5	26.75
289	Đào Anh	Dũng	THV002162	1	25.25	1.5	26.75
290	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	1	23.25	3.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	1	25.25	1.5	26.75
292	Bùi Thị	Hà	LNH002420	1	23.25	3.5	26.75
293	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	1	23.25	3.5	26.75
294	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	1	25.25	1.5	26.75
295	Trương Hải	Yến	TND030159	1	23.25	3.5	26.75
296	Sáng Thị	Chính	TQU000537	2	23.00	3.5	26.50
297	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	2	23.00	3.5	26.50
298	Lý Thị	Ghền	TND005756	2	23.00	3.5	26.50
299	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	2	25.00	1.5	26.50
300	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	2	23.00	3.5	26.50
301	Triệu Thị	Thịnh	TQU005280	2	23.00	3.5	26.50
302	Thào A	Pó	TTB004987	2	23.00	3.5	26.50
303	Pờ Mé	Nu	TTB004653	2	23.00	3.5	26.50
304	Lã Văn	Băng	DCN000946	2	25.50	1.0	26.50
305	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	2	25.00	1.5	26.50
306	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	2	23.00	3.5	26.50
307	Trần Thị Hà	Tiên	TTB006546	2	23.00	3.5	26.50
308	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	2	26.00	0.5	26.50
309	Trần Ngọc	Mai	TND016088	2	23.00	3.5	26.50
310	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	2	23.00	3.5	26.50
311	Lò Trung	Thành	TTB005740	2	23.00	3.5	26.50
312	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	2	25.50	1.0	26.50
313	Nông Thị	Hằng	TND007466	2	23.00	3.5	26.50
314	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	2	23.00	3.5	26.50
315	Võ Khánh	Bách	TDV002024	2	25.00	1.5	26.50
316	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	SPH005672	2	26.00	0.5	26.50
317	Lý A	Chớ	TTB000675	2	23.00	3.5	26.50
318	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	2	25.00	1.5	26.50
319	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	2	25.00	1.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Trần Thị	Hằng	HHA004440	2	23.00	3.5	26.50
321	Hoàng Thị	Lành	TND013442	2	23.00	3.5	26.50
322	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	2	25.00	1.5	26.50
323	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	2	25.50	1.0	26.50
324	Nghiêm Thị	Tam	THV011653	1	23.00	3.5	26.50
325	Lò Thị	Mừng	TTB004079	1	23.00	3.5	26.50
326	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	1	25.00	1.5	26.50
327	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	1	25.00	1.5	26.50
328	Phà Thó	Xa	THV015435	1	23.00	3.5	26.50
329	Lại Thị	Minh	DCN007378	1	25.50	1.0	26.50
330	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	1	26.00	0.5	26.50
331	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	1	23.00	3.5	26.50
332	Lương Thị	Thảo	THV012200	1	23.00	3.5	26.50
333	Lò Thị	Tiêm	TTB006534	1	23.00	3.5	26.50
334	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	1	23.00	3.5	26.50
335	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	1	23.00	3.5	26.50
336	Quàng Văn	Dũng	TTB001248	1	23.00	3.5	26.50
337	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	1	26.00	0.5	26.50
338	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	1	23.00	3.5	26.50
339	Lý Thị Thu	Huyền	TND011142	1	23.00	3.5	26.50
340	Lê Thị	Dung	HDT003866	1	25.50	1.0	26.50
341	Đỗ Mai	Hương	THP006938	1	26.00	0.5	26.50
342	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	1	26.00	0.5	26.50
343	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	1	23.00	3.5	26.50
344	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	1	25.50	1.0	26.50
345	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	1	25.00	1.5	26.50
346	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	1	25.00	1.5	26.50
347	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	1	26.00	0.5	26.50
348	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Lê Thị	Hằng	HDT007837	1	25.50	1.0	26.50
350	Lê Đình	Đạt	HDT005241	1	23.00	3.5	26.50
351	Đặng Bích	Phương	THV010388	1	25.00	1.5	26.50
352	Phạm Thị	Giang	HDT006412	1	25.50	1.0	26.50
353	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	1	25.50	1.0	26.50
354	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	1	25.00	1.5	26.50
355	Đặng Thị	Bảy	THV000922	1	23.00	3.5	26.50
356	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	1	25.00	1.5	26.50
357	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	1	23.00	3.5	26.50
358	Vàng Thị	Cúc	THV001679	1	23.00	3.5	26.50
359	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	1	25.00	1.5	26.50
360	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	1	25.00	1.5	26.50
361	Sầm Thị	Tuyển	TND028496	1	23.00	3.5	26.50
362	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	1	25.50	1.0	26.50
363	Đinh Kiều	Oanh	TTB004677	1	23.00	3.5	26.50
364	Đường Thu	Quyên	TND020757	1	23.00	3.5	26.50
365	Trần Uyên	Chi	TDV003028	1	25.00	1.5	26.50
366	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	1	23.00	3.5	26.50
367	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	1	26.00	0.5	26.50
368	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	2	24.75	1.5	26.25
369	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	2	25.75	0.5	26.25
370	Cao Thị	Giang	SPH004446	2	25.75	0.5	26.25
371	Bùi Thị	Phương	TND019724	2	22.75	3.5	26.25
372	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	2	25.75	0.5	26.25
373	Lương Thị	Yến	TND030011	2	22.75	3.5	26.25
374	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	2	24.75	1.5	26.25
375	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	2	26.25		26.25
376	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	2	25.25	1.0	26.25
377	Nông Thị	Mến	TQU003587	2	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	2	22.75	3.5	26.25
379	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	2	25.25	1.0	26.25
380	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	1	24.75	1.5	26.25
381	Lê Thúy	Nga	DHU013914	1	25.75	0.5	26.25
382	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	1	25.25	1.0	26.25
383	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	1	25.75	0.5	26.25
384	Hà Đình	Công	THV001592	1	22.75	3.5	26.25
385	Nguyễn Thị	Tinh	HHA014236	1	25.25	1.0	26.25
386	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	1	24.75	1.5	26.25
387	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016406	1	25.25	1.0	26.25
388	Lương Thị	Bình	HDT002193	1	22.75	3.5	26.25
389	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	1	25.75	0.5	26.25
390	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	1	25.25	1.0	26.25
391	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	1	25.75	0.5	26.25
392	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	1	24.75	1.5	26.25
393	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	1	22.75	3.5	26.25
394	Lương ý	Dung	KQH002046	1	22.75	3.5	26.25
395	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	1	24.75	1.5	26.25
396	Lù Thị	Trang	THV013768	1	22.75	3.5	26.25
397	Đồng Mai	Phương	TND019770	1	22.75	3.5	26.25
398	Hoàng Thị Mai	Liễu	TND013933	1	22.75	3.5	26.25
399	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	1	24.75	1.5	26.25
400	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	1	24.75	1.5	26.25
401	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	1	25.75	0.5	26.25
402	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	1	25.25	1.0	26.25
403	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	1	24.75	1.5	26.25
404	Lò Thị	Dung	THV002060	1	22.75	3.5	26.25
405	Đinh Thị Trang	Nhung	TDV022297	1	25.75	0.5	26.25
406	Vũ Thị	Hiền	THV004397	1	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	1	22.75	3.5	26.25
408	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	1	25.25	1.0	26.25
409	Lê Thị	Hà	HDT006658	1	25.25	1.0	26.25
410	Đinh Hoàng	Mai	HDT015943	1	24.75	1.5	26.25
411	Đinh Thị	Hường	LNH004614	1	22.75	3.5	26.25
412	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	1	24.75	1.5	26.25
413	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	1	23.25	3.0	26.25
414	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	1	22.75	3.5	26.25
415	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	1	24.75	1.5	26.25
416	Vi Thị	Thuyết	THV013199	1	22.75	3.5	26.25
417	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	1	25.75	0.5	26.25
418	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	1	22.75	3.5	26.25
419	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	1	25.25	1.0	26.25
420	Phan Thị	Thương	TDV031159	1	24.75	1.5	26.25
421	Phạm Thị	Loan	YTB013323	1	25.25	1.0	26.25
422	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	1	25.75	0.5	26.25
423	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	1	24.75	1.5	26.25
424	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	1	22.75	3.5	26.25
425	Lã Thị	Thanh	TQU004948	1	24.75	1.5	26.25
426	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	1	25.75	0.5	26.25
427	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	1	25.75	0.5	26.25
428	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	1	22.75	3.5	26.25
429	Lê Thị	Hiền	TDV009806	1	24.75	1.5	26.25
430	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	1	24.75	1.5	26.25
431	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	1	24.75	1.5	26.25
432	Trần Thị	Anh	THP000856	2	25.00	1.0	26.00
433	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	2	25.00	1.0	26.00
434	Trần Minh	Quang	THV010774	2	24.50	1.5	26.00
435	Đào Thị	Yến	KQH016529	2	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Bàn Thị	Hường	TND012100	2	22.50	3.5	26.00
437	Vàng Thị	ánh	TTB000324	2	22.50	3.5	26.00
438	Vũ Thị Yến	Nhi	THP010824	2	25.50	0.5	26.00
439	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	2	24.50	1.5	26.00
440	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	2	24.50	1.5	26.00
441	Nông Văn	Nam	TTB004168	2	22.50	3.5	26.00
442	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	2	24.50	1.5	26.00
443	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	2	25.50	0.5	26.00
444	Vũ Thị	Phương	YTB017528	2	25.00	1.0	26.00
445	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	2	25.00	1.0	26.00
446	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	2	22.50	3.5	26.00
447	Lê Thị	Thư	THV013212	2	22.50	3.5	26.00
448	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	2	22.50	3.5	26.00
449	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	2	24.50	1.5	26.00
450	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	2	25.50	0.5	26.00
451	Trần Thị Thu	Thủy	THV012932	2	24.50	1.5	26.00
452	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	2	25.00	1.0	26.00
453	Chu Thị	Hương	TDV014213	1	24.50	1.5	26.00
454	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	1	22.50	3.5	26.00
455	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	1	24.50	1.5	26.00
456	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	1	24.50	1.5	26.00
457	Lê Thị	Loan	HDT015087	1	24.50	1.5	26.00
458	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	1	25.00	1.0	26.00
459	Dương Thùy	Linh	SPH009423	1	24.50	1.5	26.00
460	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	1	24.50	1.5	26.00
461	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	1	22.50	3.5	26.00
462	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	1	25.00	1.0	26.00
463	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	1	25.50	0.5	26.00
464	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	1	22.50	3.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	1	22.50	3.5	26.00
466	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	1	24.50	1.5	26.00
467	Đào Thùy	Trang	TQU005766	1	24.50	1.5	26.00
468	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	1	22.50	3.5	26.00
469	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	1	25.00	1.0	26.00
470	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	1	24.50	1.5	26.00
471	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	1	25.00	1.0	26.00
472	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	1	22.50	3.5	26.00
473	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	1	22.50	3.5	26.00
474	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	1	25.00	1.0	26.00
475	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	1	22.50	3.5	26.00
476	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	1	24.50	1.5	26.00
477	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	1	25.00	1.0	26.00
478	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	1	25.00	1.0	26.00
479	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	1	24.50	1.5	26.00
480	Bùi Thị	Mến	HDT016401	1	22.50	3.5	26.00
481	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	1	24.50	1.5	26.00
482	Phạm Thị	Linh	KQH008053	1	25.50	0.5	26.00
483	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	1	24.50	1.5	26.00
484	Trần Thị	Trang	TDV033109	1	24.50	1.5	26.00
485	Triệu Tồn	Man	DCN007229	1	22.50	3.5	26.00
486	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	1	24.50	1.5	26.00
487	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	1	25.00	1.0	26.00
488	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	1	24.50	1.5	26.00
489	Phạm Nhật	Lệ	THP008015	1	25.00	1.0	26.00
490	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	1	25.50	0.5	26.00
491	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	1	22.50	3.5	26.00
492	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	1	23.50	2.5	26.00
493	Hà Kim	Oanh	TTB004678	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	1	24.50	1.5	26.00
495	Dương Thị	Dung	SPH002980	1	25.50	0.5	26.00
496	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	1	24.50	1.5	26.00
497	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	1	25.00	1.0	26.00
498	Lê Thị	Ninh	HDT019102	1	25.00	1.0	26.00
499	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	1	24.50	1.5	26.00
500	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	1	25.00	1.0	26.00
501	Triệu Thị	Viên	TND029263	2	22.25	3.5	25.75
502	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	2	22.25	3.5	25.75
503	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	2	22.25	3.5	25.75
504	Chẳng Kiều	Hoài	TQU001983	2	22.25	3.5	25.75
505	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	2	25.25	0.5	25.75
506	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	2	25.25	0.5	25.75
507	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	2	24.25	1.5	25.75
508	Lê Ngọc	Linh	TND014252	2	24.25	1.5	25.75
509	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	2	24.75	1.0	25.75
510	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	1	22.25	3.5	25.75
511	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	1	25.75		25.75
512	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	1	24.75	1.0	25.75
513	Trần Anh	Tuấn	TND028015	1	24.25	1.5	25.75
514	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	1	25.25	0.5	25.75
515	Lê Thị	Dung	HDT003842	1	24.75	1.0	25.75
516	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	1	22.25	3.5	25.75
517	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	1	22.25	3.5	25.75
518	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	1	24.75	1.0	25.75
519	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	1	22.25	3.5	25.75
520	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	1	24.75	1.0	25.75
521	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	1	22.25	3.5	25.75
522	Lâm Thị	Trang	TND026235	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Triệu Anh	Quân	TQU004502	1	22.25	3.5	25.75
524	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	1	24.25	1.5	25.75
525	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	1	22.25	3.5	25.75
526	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	1	24.25	1.5	25.75
527	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	1	24.25	1.5	25.75
528	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	1	22.25	3.5	25.75
529	Lý Ngọc	Linh	TND014313	2	22.00	3.5	25.50
530	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	2	22.00	3.5	25.50
531	Mào Thị	Duyên	TTB001294	2	22.00	3.5	25.50
532	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	2	25.00	0.5	25.50
533	Quan Ngọc	Linh	TND014718	2	22.00	3.5	25.50
534	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	2	24.00	1.5	25.50
535	Giàng A	Dờ	TTB001102	2	22.00	3.5	25.50
536	Lý Thị	Nường	TND019243	2	22.00	3.5	25.50
537	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	2	22.00	3.5	25.50
538	Vi Thị	Hồng	TND009891	1	22.00	3.5	25.50
539	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	1	22.00	3.5	25.50
540	Chế Thị	Nhung	TDV022280	1	25.00	0.5	25.50
541	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	1	22.00	3.5	25.50
542	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	1	22.00	3.5	25.50
543	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	1	24.50	1.0	25.50
544	Lê Thị	Loan	HDT015081	1	24.00	1.5	25.50
545	Tần Thị	Thảo	THV012338	1	22.00	3.5	25.50
546	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	1	24.50	1.0	25.50
547	Lò Văn	Thêm	TTB006079	1	22.00	3.5	25.50
548	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	1	23.00	2.5	25.50
549	Bùi Thúy	Phượng	TND019710	1	22.00	3.5	25.50
550	Phượng Thị	Hảo	TND007201	1	22.00	3.5	25.50
551	Hứa Thị	Kiều	TND013056	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	1	24.00	1.5	25.50
553	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	1	24.50	1.0	25.50
554	Nông Thị	Phượng	TND020262	1	22.00	3.5	25.50
555	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	1	24.00	1.5	25.50
556	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	1	22.00	3.5	25.50
557	Trần Thị	Liên	TQU003045	1	24.00	1.5	25.50
558	Trần Thị	Huyền	TND011376	1	22.00	3.5	25.50
559	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	1	24.00	1.5	25.50
560	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	2	21.75	3.5	25.25
561	Hứa Thị	Tươi	TND028723	2	21.75	3.5	25.25
562	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	2	23.75	1.5	25.25
563	Đỗ Thị	Linh	TND014063	2	23.75	1.5	25.25
564	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	2	21.75	3.5	25.25
565	Trần Thị	Thơ	TDV029629	2	24.25	1.0	25.25
566	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	2	21.75	3.5	25.25
567	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	2	21.75	3.5	25.25
568	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	2	21.75	3.5	25.25
569	Vũ Văn	Linh	KQH008144	2	24.75	0.5	25.25
570	Mai Thị	Trang	HDT026674	1	24.25	1.0	25.25
571	Dương Thị	Lương	TND015496	1	24.25	1.0	25.25
572	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	1	24.25	1.0	25.25
573	Hà Thị	Hoa	LNH003408	1	21.75	3.5	25.25
574	Hà Văn	Long	HDT015212	1	21.75	3.5	25.25
575	Ma Hoài	Thương	TND025339	1	21.75	3.5	25.25
576	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	1	23.25	2.0	25.25
577	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	1	24.25	1.0	25.25
578	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	1	24.75	0.5	25.25
579	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	1	24.25	1.0	25.25
580	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	1	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Thiều Thị	Trình	HDT027451	1	24.75	0.5	25.25
582	Trần Thùy	Giang	HDT006459	1	24.25	1.0	25.25
583	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	1	24.25	1.0	25.25
584	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	1	21.75	3.5	25.25
585	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	1	21.75	3.5	25.25
586	Ma Thị	Huế	TND010086	1	21.75	3.5	25.25
587	Mai Đình	Thành	HDT022834	1	24.25	1.0	25.25
588	Cà Thị	Quyên	TTB005106	2	21.50	3.5	25.00
589	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	2	21.50	3.5	25.00
590	Nông Thị	Hợp	TND009923	2	21.50	3.5	25.00
591	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	2	21.50	3.5	25.00
592	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	2	21.50	3.5	25.00
593	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	2	24.50	0.5	25.00
594	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	2	21.50	3.5	25.00
595	Phùng Thị	Mai	TND016070	2	21.50	3.5	25.00
596	Giàng A	Sênh	THV011312	1	21.50	3.5	25.00
597	Mai Thị	Thảo	HDT023246	1	24.00	1.0	25.00
598	Lê Thị	Huyền	HDT011361	1	21.50	3.5	25.00
599	Lê Thị	Dung	HDT003850	1	24.00	1.0	25.00
600	Trần Thị	Kiều	HDT013015	1	23.50	1.5	25.00
601	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	1	23.50	1.5	25.00
602	Hoàng Thị	Vân	TND029059	1	21.50	3.5	25.00
603	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	1	24.00	1.0	25.00
604	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	1	23.50	1.5	25.00
605	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	1	23.50	1.5	25.00
606	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	1	24.50	0.5	25.00
607	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	1	23.50	1.5	25.00
608	Lộc Thị	Lệ	TND013691	1	21.50	3.5	25.00
609	Tăng Thị	Chang	THP001430	2	23.75	1.0	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Trần Thị	Phượng	HHA011396	2	21.25	3.5	24.75
611	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	2	21.25	3.5	24.75
612	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	2	23.25	1.5	24.75
613	Phùng Thị	Phượng	TND020269	2	21.25	3.5	24.75
614	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	2	23.75	1.0	24.75
615	Hà Văn	Thắm	HDT023531	2	21.25	3.5	24.75
616	Phan Lê Minh	Phượng	TDV024090	2	24.25	0.5	24.75
617	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	2	21.25	3.5	24.75
618	Hoàng Thị	Dung	TND003690	2	21.25	3.5	24.75
619	Lý Thị	Thanh	TND022460	2	21.25	3.5	24.75
620	Nông Thị	Tình	TND025686	2	21.25	3.5	24.75
621	Từ Thị	Tuyến	TND028584	2	23.25	1.5	24.75
622	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	1	23.75	1.0	24.75
623	Chu Khánh	Huyền	TND010989	1	21.25	3.5	24.75
624	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	1	23.25	1.5	24.75
625	Bùi Thị	Dung	HDT003743	1	23.75	1.0	24.75
626	Phạm Hữu	Tuyến	THP016305	1	23.75	1.0	24.75
627	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	1	23.25	1.5	24.75
628	Doãn Thị	Tình	TDV031596	1	23.25	1.5	24.75
629	Liềng Thị	Mai	THV008399	1	21.25	3.5	24.75
630	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	1	23.75	1.0	24.75
631	Quách Xương	Trang	HDT027109	1	21.25	3.5	24.75
632	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	1	23.25	1.5	24.75
633	Nông Quốc	Cường	TND003259	1	21.25	3.5	24.75
634	Đinh Minh	Đức	KQH003135	1	24.25	0.5	24.75
635	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	1	23.75	1.0	24.75
636	Lý Thị	Hạnh	TND006945	1	21.25	3.5	24.75
637	Lò Thị	Thần	TTB006066	2	21.00	3.5	24.50
638	Hoàng Thị Thanh	Lam	TND013170	2	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Lò Thị	Thanh	TTB005665	2	21.00	3.5	24.50
640	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	2	23.50	1.0	24.50
641	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	2	21.00	3.5	24.50
642	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	2	21.00	3.5	24.50
643	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	2	23.50	1.0	24.50
644	Pờ Gia	Pớ	TTB004995	2	21.00	3.5	24.50
645	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	2	21.00	3.5	24.50
646	Hoàng Kim	Phú	TND019597	2	21.00	3.5	24.50
647	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	2	23.00	1.5	24.50
648	Dương Phước	Sang	SPH014607	2	24.00	0.5	24.50
649	Đào Huyền	My	TND016779	2	24.00	0.5	24.50
650	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	2	21.00	3.5	24.50
651	Đào Thị	Thu	THP014025	2	23.50	1.0	24.50
652	Điêu Thị	Vân	TTB007425	2	21.00	3.5	24.50
653	Vi Thị	Hảo	TDV008884	2	21.00	3.5	24.50
654	Trần Thị Phương	Linh	THV007788	1	21.00	3.5	24.50
655	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	1	24.00	0.5	24.50
656	Trương Thị	Hoa	HDT009348	1	23.50	1.0	24.50
657	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	1	23.00	1.5	24.50
658	Trương Thành	Đức	BJA003356	1	24.00	0.5	24.50
659	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	1	24.00	0.5	24.50
660	Hà Thị	Phượng	TTB004860	1	21.00	3.5	24.50
661	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	1	23.00	1.5	24.50
662	Trần Thị	Hiền	THP004893	1	23.50	1.0	24.50
663	Nguyễn Thị	Tuần	TQU006088	1	21.00	3.5	24.50
664	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	1	23.50	1.0	24.50
665	Đào Thị	Thúy	TND024976	1	23.00	1.5	24.50
666	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	1	23.00	1.5	24.50
667	Lò Thị	Lan	TTB003310	1	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	1	23.00	1.5	24.50
669	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	1	21.00	3.5	24.50
670	Chu Thị	Chiều	TND002443	1	21.00	3.5	24.50
671	Lương Thị	Linh	HDT014285	1	23.00	1.5	24.50
672	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	1	23.00	1.5	24.50
673	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	1	22.50	2.0	24.50
674	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	2	22.75	1.5	24.25
675	Vũ Hương	Hà	TND006516	2	20.75	3.5	24.25
676	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	2	20.75	3.5	24.25
677	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	2	23.25	1.0	24.25
678	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BJA013696	2	24.25		24.25
679	Phạm Thị	Lan	HDT013272	2	22.75	1.5	24.25
680	Long Thị	Vân	TND029083	2	20.75	3.5	24.25
681	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	2	20.75	3.5	24.25
682	Chẫu Thị	Thuỷ	TQU005415	2	20.75	3.5	24.25
683	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	2	22.75	1.5	24.25
684	Đinh Thị	Thu	TQU005345	2	22.75	1.5	24.25
685	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	2	23.75	0.5	24.25
686	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	2	23.25	1.0	24.25
687	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	2	23.25	1.0	24.25
688	Trần Thị	Nha	TND018488	1	20.75	3.5	24.25
689	Đinh Thị	Liên	LNH005113	1	20.75	3.5	24.25
690	Lê Thị	Giang	HDT006293	1	23.25	1.0	24.25
691	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	1	23.75	0.5	24.25
692	Bùi Thị	Trang	LNH009651	1	20.75	3.5	24.25
693	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	1	23.25	1.0	24.25
694	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	1	20.75	3.5	24.25
695	Phạm Thị	Bình	HDT002247	1	20.75	3.5	24.25
696	Lê Thị	Linh	SPH009611	1	23.75	0.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	1	23.75	0.5	24.25
698	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	1	20.75	3.5	24.25
699	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	1	22.25	2.0	24.25
700	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	1	23.25	1.0	24.25
701	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	2	20.50	3.5	24.00
702	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	2	22.50	1.5	24.00
703	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	2	20.50	3.5	24.00
704	Lò Văn	Thủy	TTB006374	2	20.50	3.5	24.00
705	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	2	20.50	3.5	24.00
706	Tần San	Mấy	THV008633	2	20.50	3.5	24.00
707	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	2	20.50	3.5	24.00
708	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	2	23.50	0.5	24.00
709	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	2	20.50	3.5	24.00
710	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	2	20.50	3.5	24.00
711	Ngô Thị	Hà	HDT006762	2	22.50	1.5	24.00
712	Phạm Thị	Lý	HDT015892	2	22.50	1.5	24.00
713	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	2	20.50	3.5	24.00
714	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	2	20.50	3.5	24.00
715	Dương Thị	Thu	TQU005343	2	20.50	3.5	24.00
716	Lý Thị	Niệm	TND019129	2	20.50	3.5	24.00
717	Lương Thị	Thủy	TQU005461	2	20.50	3.5	24.00
718	Đỗ Thị	Phượng	HDT019670	1	22.50	1.5	24.00
719	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	1	22.50	1.5	24.00
720	Mã Thu	Thủy	NLS012268	1	22.50	1.5	24.00
721	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	1	23.00	1.0	24.00
722	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	1	20.50	3.5	24.00
723	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	1	20.50	3.5	24.00
724	Phùng Thị	Oanh	TND019393	1	20.50	3.5	24.00
725	Vũ Thị	Nữ	TND019228	1	22.50	1.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	1	23.50	0.5	24.00
727	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	1	23.00	1.0	24.00
728	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	1	22.50	1.5	24.00
729	Trần Thu	Huyền	TQU002515	1	20.50	3.5	24.00
730	Ngô Văn	Chính	THP001673	1	23.00	1.0	24.00
731	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	1	22.50	1.5	24.00
732	Ma Thị	Lan	TQU002923	1	20.50	3.5	24.00
733	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	1	23.00	1.0	24.00
734	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	1	23.50	0.5	24.00
735	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	1	22.50	1.5	24.00
736	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	2	22.25	1.5	23.75
737	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	2	22.25	1.5	23.75
738	Linh Văn	Phong	TND019536	2	20.25	3.5	23.75
739	Lò Văn	Chưởng	TTB000807	2	20.25	3.5	23.75
740	Quàng Văn	Kẻo	TTB003029	2	20.25	3.5	23.75
741	Lương Thị	Phượng	TDV023878	2	22.75	1.0	23.75
742	Nông Thị	Thơm	TND024271	2	20.25	3.5	23.75
743	Dương Thị	Sâm	HDT021448	2	22.75	1.0	23.75
744	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	2	22.25	1.5	23.75
745	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	2	22.25	1.5	23.75
746	Hoàng Văn	Kiệm	TTB003199	2	20.25	3.5	23.75
747	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	2	22.25	1.5	23.75
748	Quàng Văn	Quyển	THV010988	1	20.25	3.5	23.75
749	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	1	23.25	0.5	23.75
750	Ngô Thị	Hằng	TND007355	1	22.75	1.0	23.75
751	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	1	23.25	0.5	23.75
752	Dương Thị	Thanh	TND022393	1	22.75	1.0	23.75
753	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	1	22.25	1.5	23.75
754	Trần Thị	Tâm	TND022148	1	20.25	3.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	1	22.25	1.5	23.75
756	Trần Hữu	Đức	TDV006981	1	23.25	0.5	23.75
757	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	1	22.25	1.5	23.75
758	Nguyễn Thị	Huyền	TLA006348	1	22.75	1.0	23.75
759	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	1	22.75	1.0	23.75
760	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	1	23.25	0.5	23.75
761	Chu Thị	Hồng	TND009691	1	20.25	3.5	23.75
762	Nguyễn Ngọc	ánh	THV000805	1	22.25	1.5	23.75
763	Nguyễn Thị	Trang	LNH009851	1	23.25	0.5	23.75
764	Lê Đình	Tuấn	HDT028213	1	22.75	1.0	23.75
765	Hoàng Thị	Mai	TDV018620	1	22.75	1.0	23.75
766	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	2	20.00	3.5	23.50
767	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	2	20.00	3.5	23.50
768	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	2	23.00	0.5	23.50
769	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	2	20.00	3.5	23.50
770	Ma Thị	Thảo	TQU005070	2	20.00	3.5	23.50
771	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	2	22.50	1.0	23.50
772	Tô Thị	Hường	TND012241	1	20.00	3.5	23.50
773	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	1	22.00	1.5	23.50
774	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	1	22.00	1.5	23.50
775	Nông Văn	Quân	TND020573	1	20.00	3.5	23.50
776	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	1	23.00	0.5	23.50
777	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	1	22.50	1.0	23.50
778	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	1	22.50	1.0	23.50
779	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	1	22.50	1.0	23.50
780	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	1	20.00	3.5	23.50
781	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	1	22.50	1.0	23.50
782	Trần Đức	Dũng	HDT004396	1	22.50	1.0	23.50
783	Trần Ngọc	ánh	THV000852	1	22.00	1.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	1	22.50	1.0	23.50
785	Vi Phương	Thảo	TDV028494	1	20.00	3.5	23.50
786	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	1	20.00	3.5	23.50
787	Quàng Thị	Phượng	TTB004924	1	20.00	3.5	23.50
788	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	3	22.25	1.0	23.25
789	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	2	21.75	1.5	23.25
790	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	2	19.75	3.5	23.25
791	Giàng A	Dơ	THV001993	2	19.75	3.5	23.25
792	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	2	22.75	0.5	23.25
793	Phạm Thị	Lam	HDT013083	2	21.75	1.5	23.25
794	Phan Thị	Tình	TND025687	2	19.75	3.5	23.25
795	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	2	22.25	1.0	23.25
796	Lê Thị Lệ	Quyển	TND020902	2	21.75	1.5	23.25
797	Ngô Phương	Đông	YTB005139	2	22.25	1.0	23.25
798	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	2	22.25	1.0	23.25
799	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	2	21.75	1.5	23.25
800	Lê Thị	Khánh	HDT012671	1	22.25	1.0	23.25
801	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	1	19.75	3.5	23.25
802	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	1	22.25	1.0	23.25
803	Lò Thị	Thanh	TTB005812	1	19.75	3.5	23.25
804	Hoàng Thị	Mến	THV008642	1	21.75	1.5	23.25
805	Quách Thị	Châm	LNH000911	1	19.75	3.5	23.25
806	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	1	22.25	1.0	23.25
807	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	1	19.75	3.5	23.25
808	Trần Thị	Nga	THP010043	1	22.25	1.0	23.25
809	Hờ A	Lênh	THV007142	1	19.75	3.5	23.25
810	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	1	21.75	1.5	23.25
811	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	1	21.75	1.5	23.25
812	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	1	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	1	19.75	3.5	23.25
814	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	1	21.75	1.5	23.25
815	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	1	19.75	3.5	23.25
816	Phạm Thị	Trang	THV013962	4	21.50	1.5	23.00
817	Vũ Thị	Lý	HDT015908	2	22.00	1.0	23.00
818	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	2	22.50	0.5	23.00
819	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	2	19.50	3.5	23.00
820	Vũ Thị	Thu	TDV029960	2	22.00	1.0	23.00
821	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	2	19.50	3.5	23.00
822	Lê Thị	Nhị	HDT018604	2	22.00	1.0	23.00
823	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	2	22.00	1.0	23.00
824	Trần Thị	Dịu	TLA002418	2	22.00	1.0	23.00
825	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	2	22.50	0.5	23.00
826	Trần Thương	Thương	THV013317	1	19.50	3.5	23.00
827	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	1	21.50	1.5	23.00
828	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	1	22.00	1.0	23.00
829	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	1	19.50	3.5	23.00
830	Lò Thị	Chung	TTB000738	1	19.50	3.5	23.00
831	Vi Thị	Phượng	TND020125	1	19.50	3.5	23.00
832	Hồ Thị	Yến	TDV036873	1	22.00	1.0	23.00
833	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	1	19.50	3.5	23.00
834	Đinh Thị Kim	Xuyến	TND029851	2	19.25	3.5	22.75
835	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	2	19.25	3.5	22.75
836	Doãn Thị Lâm	Phượng	TDV023739	2	21.25	1.5	22.75
837	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	2	19.25	3.5	22.75
838	Trần Văn	Tuấn	TND028031	2	19.25	3.5	22.75
839	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	2	22.75		22.75
840	La Phượng	Thắm	TND023432	1	19.25	3.5	22.75
841	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	1	19.25	3.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Bùi Thị	Hà	HDT006522	1	19.25	3.5	22.75
843	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	1	21.75	1.0	22.75
844	Lù Ti	Hình	THV004692	1	19.25	3.5	22.75
845	Hà Kiều	Ly	THV008266	1	19.25	3.5	22.75
846	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	1	19.25	3.5	22.75
847	Phạm Văn	Long	YTB013481	1	21.75	1.0	22.75
848	Triệu Văn	Kiểm	TTN008874	1	19.25	3.5	22.75
849	Trần Thị	Hậu	SPH005825	1	19.25	3.5	22.75
850	Trần Thị Hồng	Phúc	TDV023639	2	21.50	1.0	22.50
851	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	1	21.00	1.5	22.50
852	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	1	21.50	1.0	22.50
853	Phạm Thị	Lan	HVN005564	1	21.50	1.0	22.50
854	Sùng A	Ná	TTB004102	1	19.00	3.5	22.50
855	Nông Thị	Huyền	TQU002400	2	18.75	3.5	22.25
856	Trương Thị	Vân	TLA015511	2	21.25	1.0	22.25
857	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	2	21.25	1.0	22.25
858	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	2	18.75	3.5	22.25
859	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	2	20.75	1.5	22.25
860	Phàn A	ỏn	THV010150	2	18.75	3.5	22.25
861	Dương Thị	Bình	TDV002454	2	20.75	1.5	22.25
862	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	2	21.75	0.5	22.25
863	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	2	21.25	1.0	22.25
864	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	2	20.75	1.5	22.25
865	Sùng Seo	Vảng	THV015071	2	18.75	3.5	22.25
866	Nông Thảo	Lam	TND013196	2	18.75	3.5	22.25
867	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	2	21.75	0.5	22.25
868	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	1	21.75	0.5	22.25
869	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	1	21.25	1.0	22.25
870	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	4	21.00	1.0	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	2	20.50	1.5	22.00
872	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	2	21.50	0.5	22.00
873	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	2	18.50	3.5	22.00
874	Hà Duy	Khánh	LNH004763	2	18.50	3.5	22.00
875	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	2	20.50	1.5	22.00
876	Lương Minh	Phụng	HDT019590	2	18.50	3.5	22.00
877	Lý Bảo	Duy	TND004172	1	18.50	3.5	22.00
878	Lưu Thị	Thoa	TND024098	1	18.50	3.5	22.00
879	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	1	21.50	0.5	22.00
880	Đinh Thị	Hương	TND011720	1	20.50	1.5	22.00
881	Lìm Thị	Luyến	THV008152	2	18.25	3.5	21.75
882	Phạm Viết	Khởi	THP007553	2	21.25	0.5	21.75
883	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	1	20.25	1.5	21.75
884	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	2	20.00	1.5	21.50
885	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	2	20.00	1.5	21.50
886	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	2	18.00	3.5	21.50
887	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	2	20.50	1.0	21.50
888	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	2	20.00	1.5	21.50
889	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	2	18.00	3.5	21.50
890	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	2	18.00	3.5	21.50
891	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	2	18.00	3.5	21.50
892	Lê Thị	Trang	TLA013996	1	20.50	1.0	21.50
893	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	1	18.00	3.5	21.50
894	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	1	20.00	1.5	21.50
895	Vi Thị	Thao	TND022768	2	17.75	3.5	21.25
896	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	2	20.25	1.0	21.25
897	Lê Văn	Đức	HDT005906	2	20.25	1.0	21.25
898	Vũ Thị	Thanh	THP013104	2	20.75	0.5	21.25
899	Trần Thị	Khuyên	THP007573	1	20.25	1.0	21.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	1	19.75	1.5	21.25
901	Đình Kiều	Anh	TND000234	1	17.75	3.5	21.25
902	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	1	20.75	0.5	21.25
903	Bế Ngọc	Hải	TND006560	1	17.75	3.5	21.25
904	Lò Thị	Thuận	TTB006312	3	17.50	3.5	21.00
905	Giàng A	Cu	TTB000851	2	17.50	3.5	21.00
906	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	2	19.50	1.5	21.00
907	Lò Thị	Hoài	TTB002407	2	17.50	3.5	21.00
908	Lê Thị	Huyền	YTB009944	2	19.75	1.0	20.75
909	Lê Thị	Sơn	HDT021668	2	19.25	1.5	20.75
910	Dương Thị	Cúc	TQU000628	2	17.25	3.5	20.75
911	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	2	20.25	0.5	20.75
912	Vũ Thành	Duy	TND004268	1	19.25	1.5	20.75
913	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	1	19.75	1.0	20.75
914	Sùng A	Tá	TTB005495	2	17.00	3.5	20.50
915	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	1	19.00	1.5	20.50
916	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	2	18.75	1.5	20.25
917	Đình Thị Hồng	Thanh	HHA012419	2	19.75	0.5	20.25
918	Hà Thị	Huyền	TND011064	2	16.50	3.5	20.00
919	Thào A	Tăng	TTB005526	2	16.50	3.5	20.00
920	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	2	16.50	3.5	20.00
921	Giàng Thị	Dinh	THV001961	2	16.50	3.5	20.00
922	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	2	16.25	3.5	19.75
923	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	3	16.00	3.5	19.50
924	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	2	18.00	1.5	19.50
925	Phan Thanh	Lịch	TND013784	2	16.00	3.5	19.50
926	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	2	18.50	1.0	19.50
927	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	2	18.50	1.0	19.50
928	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	2	15.75	3.5	19.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 33

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	2	17.75	1.5	19.25
930	Cà Thị	Hoa	TTB002291	2	15.50	3.5	19.00
931	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	2	15.50	3.5	19.00
932	Phạm Thị	Thanh	THP013075	2	18.00	0.5	18.50
933	Lò Minh	Tiến	TTB006573	2	15.00	3.5	18.50
934	Trương Đức	Quý	LNH007630	1	15.00	3.5	18.50
935	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	2	16.75	1.5	18.25
936	Vũ Ngọc	Tuấn	SPH018705	2	17.50	0.5	18.00
937	Lê Trung	Kiên	THV006740	2	15.50	2.5	18.00
938	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	2	17.25	0.5	17.75
939	Nguyễn Việt	Tiến	KQH014099	2	17.00	0.5	17.50
940	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	2	16.25	0.5	16.75
941	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	2	15.25	1.5	16.75
942	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	2	15.00	1.5	16.50
943	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	1	15.00	1.0	16.00
944	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	2	14.50	1.0	15.50
945	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	1	15.00	0.5	15.50
946	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	2	11.75	3.5	15.25
947	Lò Văn	Thanh	TTB005679	2	11.50	3.5	15.00

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU